

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 24 /2021/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 72/HĐND-KTNS ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 65/TTr-STC ngày 05 tháng 8 năm 2021, Công văn số 3438/STC-GCS ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và trên cơ sở ý kiến kết luận của UBND thành phố tại phiên họp UBND thành phố thường kỳ ngày 20 tháng 8 năm 2021 (Thông báo số 450/TB-VP ngày 27/8/2021 của Văn phòng UBND thành phố).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại Điều 3 Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục IA, IIA, IIIA

kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Trưởng phòng Tài chính - kế hoạch các quận, huyện; Chi cục trưởng Chi cục Thuế các quận, huyện; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thư*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TN&MT, XD, TP;
- TVTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TPĐN;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Chánh Văn phòng UBND TP;
- Các Phó Chánh VP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thuế, KBNN;
- Các Sở, Ban, Ngành; MTTQ, Đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện;
- Công thông tin điện tử TPĐN;
- Văn phòng UBND TP;
- Lưu: VT, STC.

15 LT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh

**Phụ lục 1A: HẸ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC ĐƯỜNG MỚI ĐẶT TÊN
VÀ CÁC ĐƯỜNG BỔ SUNG VỊ TRÍ 2,3,4,5 (ĐẤT TẠI ĐÔ THỊ)**

(Kèm theo Quyết định số: **24** /2021/QĐ-UBND ngày **21** / **9** /2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Stt	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất 2021														
		Đất ở					Đất thương mại dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5
1	Bình An 7															
	- Đoạn 5,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đoạn 7,5m	1,0					1,0					1,0				
2	Cồn Dầu 14	1,1					1,1					1,1				
3	Cồn Dầu 15	1,1					1,1					1,1				
4	Cồn Dầu 16	1,1					1,1					1,1				
5	Cồn Dầu 17	1,1					1,1					1,1				
6	Cồn Dầu 18	1,1					1,1					1,1				
7	Cồn Dầu 19	1,1					1,1					1,1				
8	Cồn Dầu 20	1,1					1,1					1,1				
9	Cồn Dầu 21	1,1					1,1					1,1				
10	Cồn Dầu 22	1,1					1,1					1,1				
11	Cồn Dầu 23	1,1					1,1					1,1				
12	Cồn Dầu 24	1,1					1,1					1,1				
13	Chế Viết Tấn	1,1					1,1					1,1				
14	Đại An 5	1,1					1,1					1,1				
15	Đỗ Quý	1,1					1,1					1,1				
16	Hòa Minh 24	1,2					1,2					1,2				
17	Hòa Minh 25	1,2					1,2					1,2				
18	Hòa Minh 26	1,2					1,2					1,2				
19	Hòa Minh 27	1,2					1,2					1,2				
20	Hòa Minh 28	1,2					1,2					1,2				
21	Hòa Minh 29	1,2					1,2					1,2				
22	Hòa Minh 30	1,2					1,2					1,2				
23	Hòa Phú 1															
	- Đoạn 7,5m	1,2					1,2					1,2				
	- Đoạn 5,5m	1,2					1,2					1,2				
24	Hòa Phú 2	1,2					1,2					1,2				
25	Hòa Phú 3	1,2					1,2					1,2				
26	Hòa Phú 4	1,2					1,2					1,2				
27	Hòa Phú 5	1,2					1,2					1,2				
28	Hòa Sơn 3		1,1	1,1	1,1	1,1		1,1	1,1	1,1	1,1		1,1	1,1	1,1	1,1
29	Hoàng Bích Sơn		1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
30	Hồ Bá Ôn (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Sắc vào 420m)	1,2					1,2					1,2				
31	Khánh An 6															
	- Đoạn 15m	1,2					1,2					1,2				
	- Đoạn 7,5m	1,2					1,2					1,2				
32	Khánh An 7															
	- Đoạn 7,5m	1,2					1,2					1,2				
	- Đoạn 5,5m	1,2					1,2					1,2				

Stt	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất 2021														
		Đất ở					Đất thương mại dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5
33	Khánh An 8	1,2					1,2					1,2				
34	Khánh An 9	1,2					1,2					1,2				
35	Khánh An 10	1,2					1,2					1,2				
36	Khánh An 11	1,2					1,2					1,2				
37	Lê Quảng Chí (đoạn 10,5m)	1,1					1,1					1,1				
38	Lê Sỹ	1,1					1,1					1,1				
39	Lê Trí Viễn	1,1					1,1					1,1				
40	Mai Thúc Lân															
	- Đoạn từ Nguyễn Văn Thoại đến Đỗ Bá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
	- Đoạn từ Đỗ Bá đến Ngô Thị Sĩ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
	- Đoạn từ Ngô Thị Sĩ đến Phan Tứ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
41	Minh Mạng đoạn 7,5mx2 và 15m (đặt tiếp theo từ Trần Văn Đán đến cầu Bờ Quan)	1,4					1,4					1,4				
42	Nại Hiền Đông 19	1,0					1,0					1,0				
43	Nại Hiền Đông 20	1,0					1,0					1,0				
44	Nại Thịnh 12	1,0					1,0					1,0				
45	Nguyễn Công Hăng (đặt tiếp theo từ Cầu Giuộc đến Nguyễn Phước Nguyên)	1,1					1,1					1,1				
46	Nguyễn Xuân Lâm	1,1					1,1					1,1				
47	Phú Lộc 22	1,2					1,2					1,2				
48	Phước Hòa 6															
	- Đoạn 5,5m	1,2					1,2					1,2				
	- Đoạn 5m	1,2					1,2					1,2				
49	Trần Đăng	1,2					1,2					1,2				
50	Trần Minh Tông	1,2					1,2					1,2				
51	Trường Thị 1	1,0					1,0					1,0				
52	Trường Thị 2	1,0					1,0					1,0				
53	Trường Thị 3	1,0					1,0					1,0				
54	Trường Thị 4	1,0					1,0					1,0				
55	Trường Thị 5	1,0					1,0					1,0				
56	Trường Thị 6	1,0					1,0					1,0				



Phụ lục II
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC ĐƯỜNG MỚI ĐẶT TÊN
(ĐẤT TẠI NÔNG THÔN)

(Kèm theo Quyết định số 14 /2021/QĐ-UBND ngày 21 /9 /2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Stt	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất 2021														
		Đất ở					Đất thương mại dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5
1	Bàu Cầu 20	1,2					1,2					1,2				
2	Bàu Cầu 21	1,2					1,2					1,2				
3	Bàu Cầu 22	1,2					1,2					1,2				
4	Bàu Cầu 23	1,2					1,2					1,2				
5	Bàu Cầu 24	1,2					1,2					1,2				
6	Bàu Cầu 25	1,0					1,0					1,0				
7	Bàu Cầu 26	1,2					1,2					1,2				
8	Bàu Cầu 27	1,2					1,2					1,2				
9	Bàu Cầu 28	1,2					1,2					1,2				

Phụ lục IIIA:
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CHƯA ĐẶT TÊN
TRONG CÁC KHU DÂN CƯ

(Kèm theo Quyết định số: **24** /2021/QĐ-UBND ngày **21** /**9** /2021
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Địa bàn khu dân cư	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021		
		Đất ở	Đất thương mại, dịch vụ	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
I	Quận Hải Châu			
1	Khu sân bay Đà Nẵng			
	- Đường 10,5m	1,0	1,0	1,0
	- Đường 15m	1,0	1,0	1,0
II	Quận Sơn Trà			
1	Khu dân cư Marina Complex			
	- Đường 10,5m	1,0	1,0	1,0
III	Quận Ngũ Hành Sơn			
1	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa Quý			
	Khu tái định cư Bình Kỳ			
	- Đường 3,5m	1,0	1,0	1,0
	- Đường 5,5m	1,0	1,0	1,0
	- Đường 7,5m	1,0	1,0	1,0
2	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Khuê Mỹ			
	Khu dân cư số 12 đường Hồ Xuân Hương			
	- Đường 5,5m	1,0	1,0	1,0
IV	Quận Cẩm Lệ			
1	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Khuê Trung			
	Khu dân cư Khuê Trung - Đò Xu - Hòa Cường			
	- Đường 5,5m	1,1	1,1	1,1
2	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa An			
	Khu TĐC Phước Lý, TĐC Phước Lý 2, 4, Khu DC Phước Lý 5; Khu dân cư Hòa Phát 5			
	- Đường 5m	1,0	1,0	1,0
3	Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa Xuân			
	Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (Khu C)			
	+ Khu C			
	- Đường 15m*	1,1	1,1	1,1